TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 3 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Xương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Vĩnh Thịnh
Ông Nguyễn Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1964
Địa chỉ: Số XYZA ấp C, xã TT, huyện CT, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Ông Trương Văn N, sinh năm: 1954
Địa chỉ: XYZX, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2018, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm,nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày:

Bà và ông Trương Văn N tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới năm 2004 và đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà chung sống với nhau được khoảng 03 tháng. Sau đó vì công việc nên ông N trở về Hoa Kỳ, khoảng 02 tháng sau thì có về một lần rồi trở về Hoa Kỳ và từ đó đến nay không còn liên lạc được nữa. Từ tháng 12/2005, bà tìm cách để liên lạc với ông N nhưng không

được. Bà nhận thấy do khoảng cách địa lý, vợ chồng cũng đã mất liên lạc, tình trạng hôn nhân kéo dài như thế cũng không có hạnh phúc. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với ông Trương Văn N, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung: Bà trình bày là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Trương Văn N đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập ông Trương Văn N đến Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ trả lời kết quả không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Tòa án tiến hành làm việc với bà Đ nhưng bà không thể cung cấp được địa chỉ mới của ông N. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đăng quyết định nhưng ông Trương Văn N vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Văn N theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Trương Văn N là ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ đang ở Việt Nam, bị đơn ông Trương Văn N hiện đang ở nước ngoài nên căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Trương Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18 tháng 7 năm 2005 nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và ông Trương Văn N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ông N và bà Đ chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 03 tháng thì ông N quay trở về Hoa Kỳ. Sau đó, ông N có quay lại Việt Nam 01 lần. Đến tháng 12/2005 thì bà Đ mất liên lạc với ông N cho đến nay. Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thụ lý

vụ án cho ông Trương Văn N nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác do không có người nhận tại địa chỉ mà bà Đ cung cấp cho Tòa án. Tại bản tự khai ngày 29/01/2019, bà Đ trình bày bà không cung cấp được địa chỉ nào khác nên Tòa án căn cứ vào điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành niêm yết công khai quyết định đưa vụ án ra xét xử trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng, kể từ ngày đăng quyết định, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về ý kiến của ông Trương Văn N đối với vụ án này, ngày mở phiên tòa ông N vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà Đ và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Đ yêu cầu ly hôn với ông N là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không nhận được văn bản ghi nhận lời trình bày của ông N nên không có cơ sở xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được ly hôn với ông Trương Văn N.

Về con chung, về tài sản chung và về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng không ghi nhận được lời trình bày của ông Trương Văn N nên không có cơ sở xem xét. Nếu có

phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì các đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008098 ngày 08 tháng 6 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trương Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thế Xương